

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:34/2023/HS-ST;

Ngày: 12-6-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Trường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Thanh Hải** - Giáo viên hưu trí;

Ông **Huỳnh Ngọc Trứ** - Cán bộ hưu trí;

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2023/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐXXST-HS ngày 15/5/2023 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Tăng Văn D**, Giới tính: Nam Tên gọi khác: không. Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1999 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Nghề nghiệp: không. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.Trình độ văn hóa: 10/12.Quan hệ gia đình: Cha: **Tăng Văn P**, sinh năm 1978.Cùng nơi cư trú: **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Mẹ: **Nguyễn Thị L** (đã chết). Anh, em có 02 người, bị cáo là người con lớn trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con.Tiền án,tiền sự: không. Đặc điểm nhân thân: từ nhỏ đi học lớn lên sống cùng gia đình. Bị cáo bị tạm giữ ngày 05/01/2023, chuyển tạm giam ngày 11/01/2023.

2.Họ và tên: **Đặng Hoàng T**, Giới tính: Nam.Tên gọi khác: không.Sinh ngày 03 tháng 8 năm 2001 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: **ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Nghề nghiệp: sửa xe. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.Trình độ văn hóa: 10/12. Quan hệ gia đình: Cha: **Đặng Văn T1**, sinh năm 1978. Mẹ: **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1979.Cùng nơi cư trú: **ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**.Bị cáo là con một trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Đặc điểm nhân thân: từ nhỏ đi học lớn lên sống cùng gia đình. Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/01/2023, chuyển tạm giam ngày 12/01/2023.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

**Người bị hại:*

Dương Thị Mỹ H, sinh ngày:29/8/2008 (vắng mặt)

Nơi cư trú: **ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**

Người đại diện hợp pháp: **Bà Ngô Thị Mỹ C**, sinh năm 1980 (Là mẹ ruột xin vắng mặt)

Ông Dương Tấn B, sinh năm 1980 (Là cha xin vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: **ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Tăng Văn D**, sinh năm: 1999, nơi cư trú: **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang** có mối quan hệ bạn bè với **Dương Thị Mỹ H**, sinh ngày: 29/8/2008, nơi cư trú: **ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** và **Nguyễn Quốc S**, sinh năm: 1999, nơi cư trú: **ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Bị cáo **D**, **H** thường đến nhà **S** chơi. Trong khoảng thời gian quen biết bị cáo **D** và **H** phát sinh tình cảm nam nữ và 03 lần tự nguyện giao cấu với nhau, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào tối ngày ngày 31/12/2022, **H** đi đến nhà của bị cáo **D** chơi và sử dụng trái phép chất ma túy tại đây. Đến khoảng 00 giờ ngày 01/01/2023, sau khi sử dụng ma túy xong, bị cáo **D** và **H** vào trong phòng ngủ của cha mẹ bị cáo **D** để ngủ. Tại đây, bị cáo **D** hôn **H** và xin **H** cho giao cấu thì **H** đồng ý. Bị cáo **D** và **H** giao cấu với nhau 01 lần rồi ôm nhau ngủ đến sáng.

+ Lần thứ hai: Tối ngày 02/01/2023, bị cáo **D** và **H** đến nhà **Nguyễn Quốc S** chơi, có sử dụng trái phép chất ma túy và ngủ lại tại đây. Đến 09 giờ sáng ngày 03/01/2023, **H** vào phòng riêng của **S** nằm ngủ thì bị cáo **D** cũng vào nằm cùng. Khi bị cáo **D** đang ôm, hôn **H** thì **Trần Thụy Tường V**, sinh năm: 2008, nơi cư trú: **ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang** (**V** là bạn gái của **S**) mở cửa phòng đi vào. Nhìn thấy **V** nên bị cáo **D** và **H** nằm trên giường nói chuyện. Sau khi **V** đi ra khỏi phòng, bị cáo **D** đến cửa phòng khóa chốt trong. Bị cáo **D** xin **H** cho giao cấu thì **H** đồng ý. Trong lúc bị cáo **D** và **H** đang giao cấu với nhau thì **V** đến gõ cửa chửi lớn và yêu cầu bị cáo **D**, **H** đi ra khỏi phòng. Lúc này, bị cáo **D** và **H** tự mặc quần áo vào và đi ra khỏi phòng.

+ Lần thứ ba: Tối ngày 03/01/2023 được biết người thân của **H** đi tìm **H**, nên bị cáo **D** dẫn **H** đến nhà bà ngoại của bị cáo **D** là bà **Nguyễn Thị B1**, sinh năm: 1956 nhà ở giáp ranh với nhà của **D** để lần trốn. Khi vào trong phòng, bị cáo **D** và **H** nằm trên giường trong phòng nói chuyện rồi ôm hôn nhau. Bị cáo **D** xin **H** cho giao cấu thì **H** đồng ý. Bị cáo **D** và **H** giao cấu với nhau 01 lần, đến 23 giờ cùng ngày bị cáo **D** đưa **H** về nhà bị cáo **D** ngủ cho đến sáng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra **Dương Thị Mỹ H** còn trình bày trước khi giao cấu với bị cáo **D**, **H** có quan hệ tình cảm sống chung như vợ chồng và nhiều lần giao cấu với bị cáo **Đặng Hoàng T**, sinh ngày 03/8/2001, nơi cư trú: **ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào giữa tháng 11/2022, **H**, bị cáo **Đặng Hoàng T** đi cùng **Nguyễn Quốc S** và **Trần Thụy Tường V** đến thuê phòng tại **khách sạn P2** thuộc khu

phố A, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để nghỉ. Khi vào thuê phòng, bị cáo T và H thuê phòng số 6 để ở chung. Đến khuya bị cáo T xin H cho giao cầu thì H đồng ý. Bị cáo T và H giao cầu với nhau một lần. Sau khi giao cầu xong, bị cáo T và H nằm ngủ đến sáng.

+ Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 04 ngày đến 05 ngày sau, lúc này khoảng 18 giờ cùng ngày, H đi cùng bị cáo T đến nhà nghỉ H2 thuộc khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thuê phòng số 3 để nghỉ. Khi vào phòng, bị cáo T và H nằm trên giường ôm, hôn nhau. Bị cáo T xin H cho T giao cầu thì H đồng ý. Bị cáo T và H giao cầu với nhau một lần.

+ Lần thứ ba: Cách lần thứ hai 01 ngày, lúc này khoảng 21 giờ H đi cùng bị cáo T đến nhà nghỉ H3 thuộc khu phố C, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thuê phòng số 8 để nghỉ. Khi vào phòng, bị cáo T và H nằm trên giường ôm, hôn nhau. Bị cáo T xin H cho bị cáo T giao cầu thì H đồng ý. Bị cáo T và H giao cầu với nhau một lần.

+ Lần gần đây nhất, H và bị cáo T giao cầu với nhau là khoảng giữa tháng 12/2022, H đến tiệm sửa xe của bị cáo T ở khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang chơi. Tại đây, bị cáo T xin H cho bị cáo T giao cầu thì H đồng ý. H và bị cáo T giao cầu với nhau một lần trên gác tiệm sửa xe của bị cáo T.

Ngoài ra, bị cáo Tú và H còn tự nguyện giao cầu với nhau khoảng 03 lần đến 04 lần nữa tại tiệm sửa xe của bị cáo T nhưng không nhớ cụ thể ngày. Trong các lần này, H đều tự đến tiệm sửa xe của bị cáo T chơi và ngủ lại ban đêm. Bị cáo T và H cùng ngủ chung trên gác tiệm sửa xe của bị cáo T. Tại đây, bị cáo T xin H cho giao cầu thì H đồng ý. Bị cáo Tú và H giao cầu với nhau rồi nằm ngủ đến sáng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Dương Thị Mỹ H còn khai vào khoảng tháng 08/2022, H có quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ, yêu nhau với Nguyễn Văn P1, sinh ngày: 02/8/2005, nơi cư trú: khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian quen nhau, H và P1 đã tự nguyện giao cầu với nhau 03 lần, một lần tại nhà của P1 và 02 lần tại khách sạn K thuộc ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 02/2023/TD ngày 05/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận pháp y về tình dục đối với Dương Thị Mỹ H như sau:

- Màng trinh: hình tua, dẫn rộng, rách cũ vị trí khoảng 7 giờ;
- Tìm tinh trùng: Không tìm thấy xác tinh trùng;
- Tại thời điểm giám định Dương Thị Mỹ H1 không mang thai.

Về trách nhiệm dân sự: Dương Thị Mỹ H và người đại diện hợp pháp là ông Dương Tấn B và bà Nguyễn Thị Mỹ C1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSTXCL ngày 04/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố bị cáo Tăng Văn Duy và bị cáo Đặng Hoàng Tú về tội

“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Tăng Văn D** mức án tù 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng T** mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: **Dương Thị Mỹ H** và người đại diện hợp pháp là ông **Dương Tấn B** và bà **Nguyễn Thị Mỹ C1** không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về phần dân sự, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo **Tăng Văn D** và bị cáo **Đặng Hoàng T** khai nhận hành vi của các bị cáo đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến ngày 03/01/2023 bị cáo **Tăng Văn D** là người trên 18 tuổi đã có hành vi 03 lần giao cấu với **Dương Thị Mỹ H** là người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi, 01 lần tại **ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** và 02 lần tại **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Trong khoảng thời gian tháng 11/2022 đến tháng 12/2022 bị cáo **Đặng Hoàng T** là người trên 18 tuổi đã có hành vi nhiều lần giao cấu với **Dương Thị Mỹ H** là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi từ 07 đến 08 lần, trong đó 01 lần giao cấu tại **khách sạn P2 thuộc khu phố A, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**; 01 lần giao cấu tại nhà nghỉ **H thuộc khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**; 01 lần giao cấu tại nhà nghỉ **H thuộc khu phố C, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** và 04 đến 05 lần giao cấu tại tiệm sửa xe của bị cáo **T** thuộc **khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo **Tăng Văn D** và bị cáo **Đặng Hoàng T** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền trẻ em được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến sức khỏe danh dự uy tín, tổn thất tinh thần của người bị hại và gia đình người bị hại, vi phạm đạo đức lối sống và thuần phong mỹ tục; gây xôn xao bức xúc dư luận, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cần cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình, xã hội và răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Tòa án xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] **Nguyễn Văn P1** có hành vi giao cấu 03 lần đối với **Dương Thị Mỹ H** khi **H** đã đủ 13 tuổi nhưng dưới 16 tuổi từ khoảng thời gian tháng 09 năm 2022. Hành vi này của **P1** có dấu hiệu phạm vào tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm giao cấu với **H**, **P1** chưa đủ 18 tuổi nên hành vi của **P1** không đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Quá trình điều tra xác định, **Nguyễn Quốc S** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy để sử dụng tại nhà và đem đến nhà của bị cáo **Tăng Văn D** để sử dụng. Tuy nhiên, sau khi sử dụng ma túy xong **S** không có mời, rủ ai sử dụng ma túy. Bị cáo **D**, **H**, **P1**, **V** thấy dụng cụ sử dụng ma túy của **S** do muốn sử dụng ma túy nên tự ý lấy sử dụng, số ma túy đã được sử dụng hết không thu giữ được. Đồng thời, bị cáo **Đặng Hoàng T** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại tiệm sửa xe để sử dụng, sau khi sử dụng xong bị cáo **T** để bộ dụng cụ sử dụng ma túy xuống thì **Dương Thị Mỹ H** muốn sử dụng ma túy nên tự ý đến lấy sử dụng, bị cáo **T** không có mời hay rủ **H** sử dụng ma túy, số ma túy đã được sử dụng hết không thu giữ được nên hành vi của **S** và bị cáo **T** không cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Nguyễn Quốc S là người trên 18 tuổi có hành vi giao cấu với **Trần Thụy T3 V** là người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi. Hiện **S** đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang khởi tố, điều tra về tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

[5] Về trách nhiệm dân sự: **Dương Thị Mỹ H** và người đại diện hợp pháp là ông **Dương Tấn B** và bà **Nguyễn Thị Mỹ C1** không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về phần dân sự, Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*Tuyên bố bị cáo **Tăng Văn D** và bị cáo **Đặng Hoàng T** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tăng Văn Duy 03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 05/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng T 04(bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 06/01/2023.

*Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Công an thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Bị hại; người đại diện hợp pháp cho người bị hại;
- Lưu.

Nguyễn Huỳnh Trường